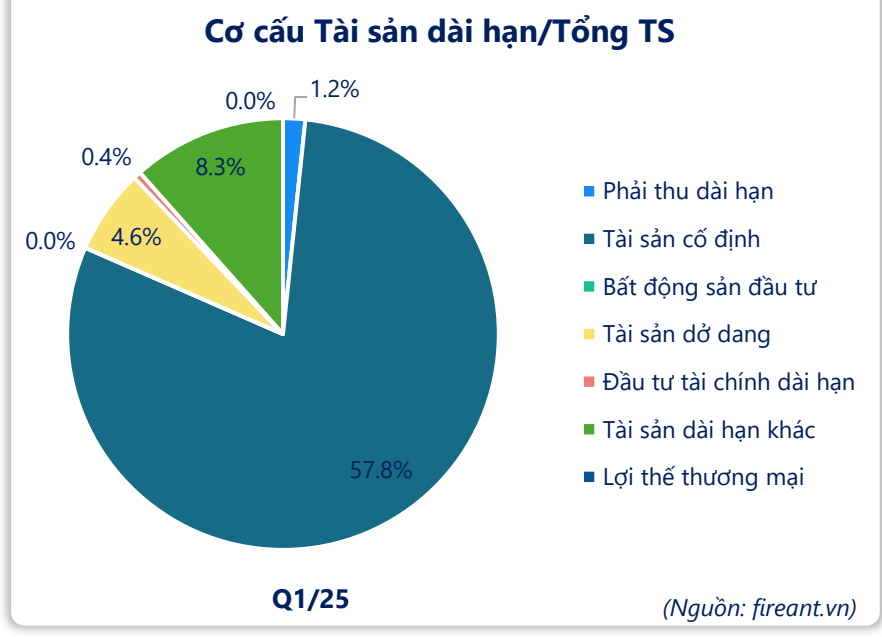
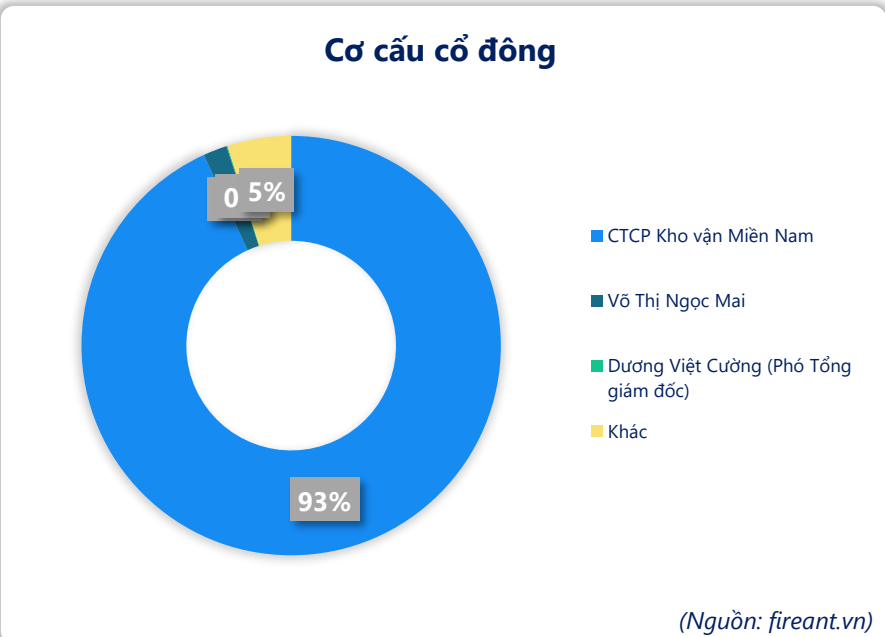
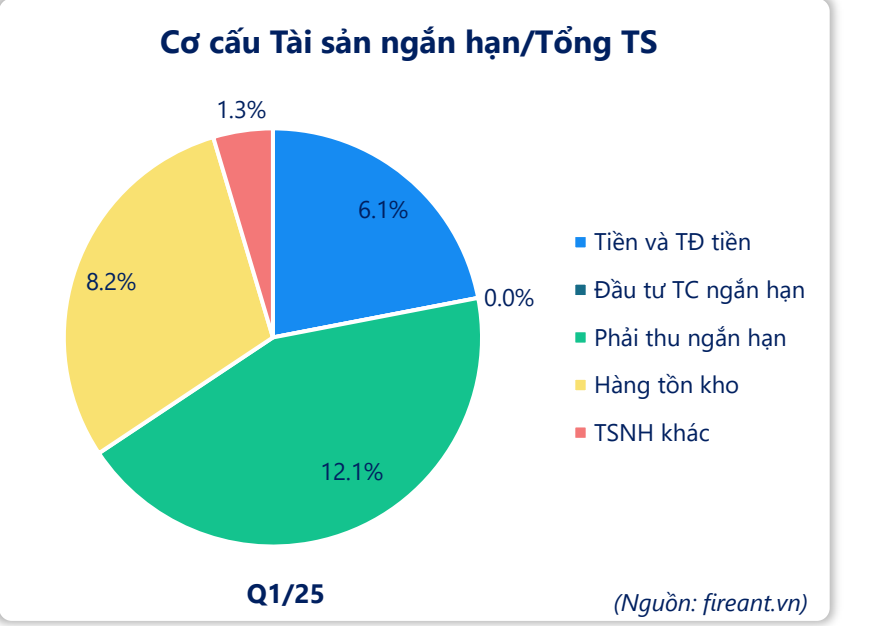
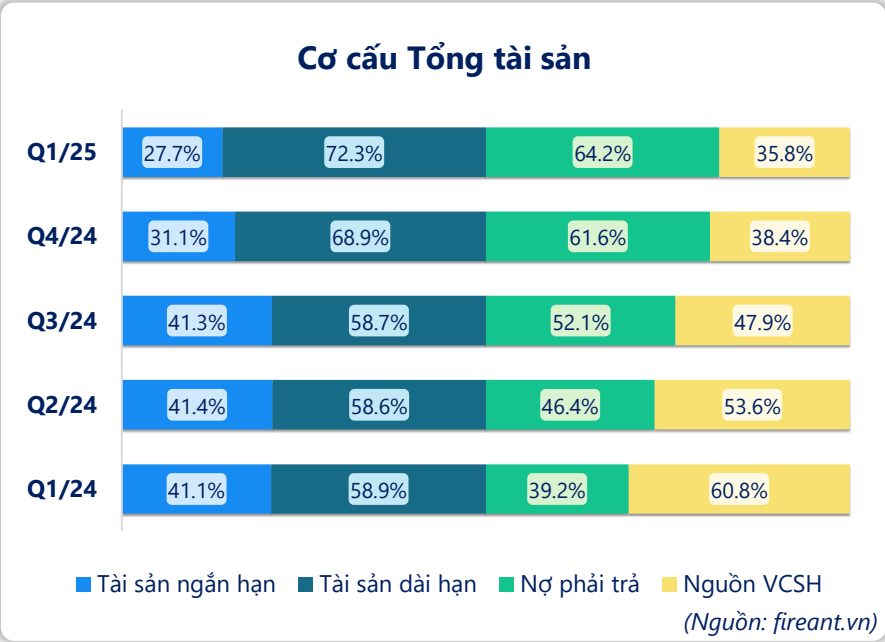
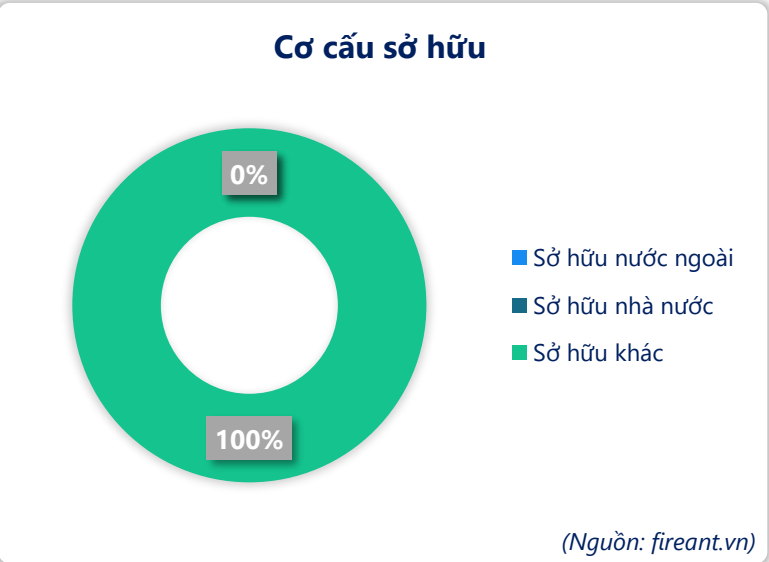
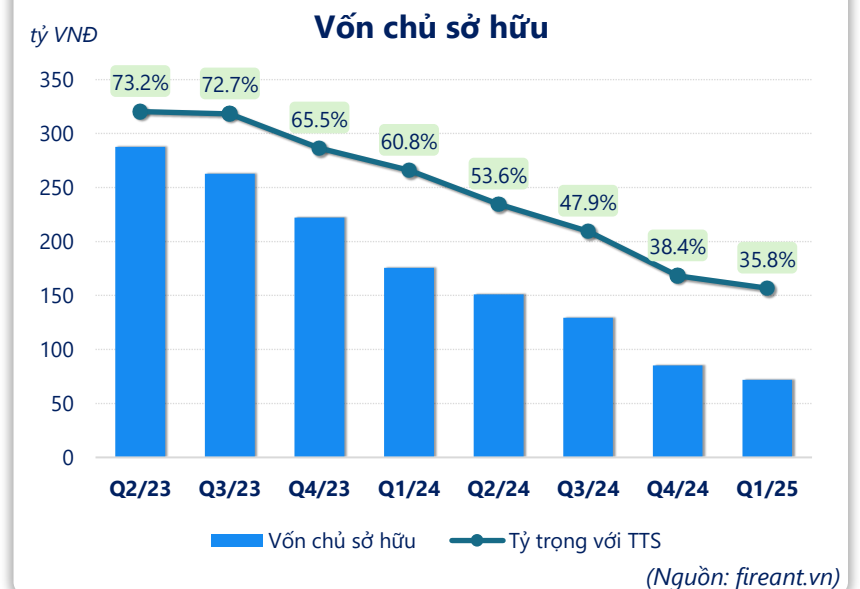
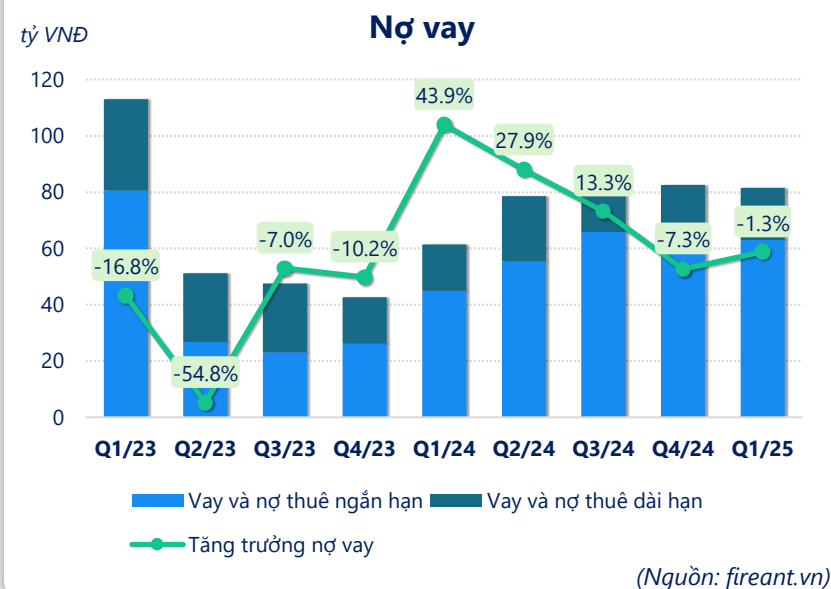
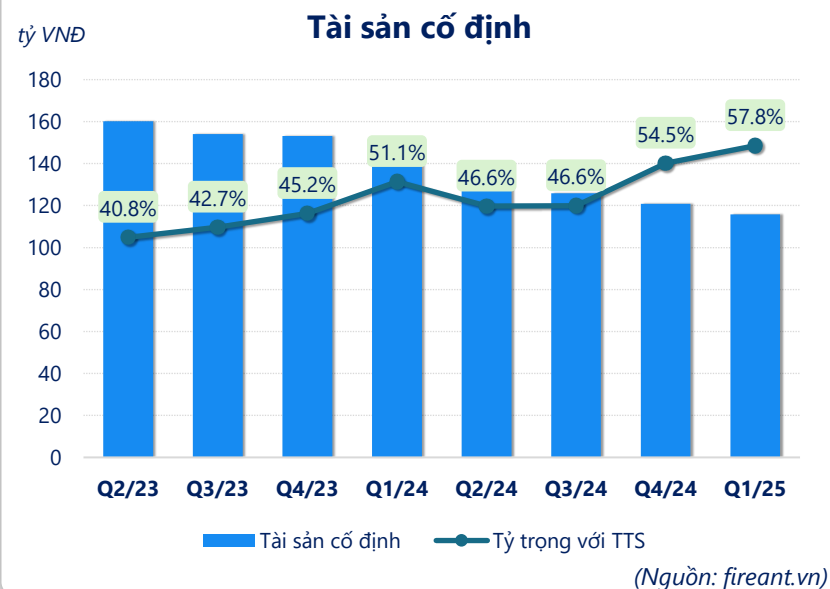
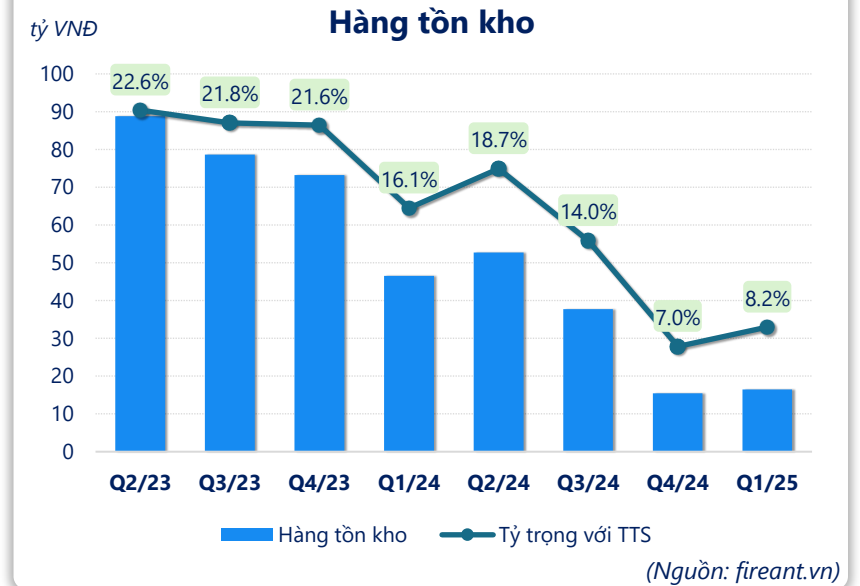
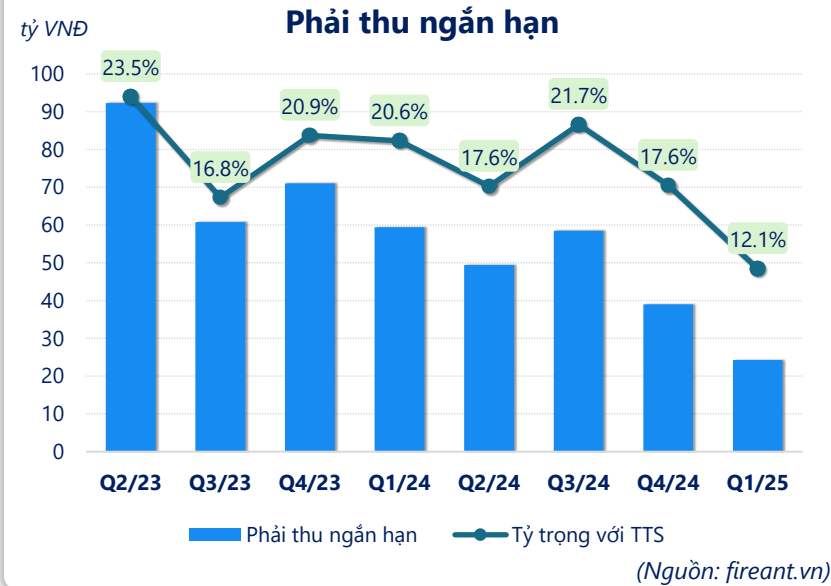
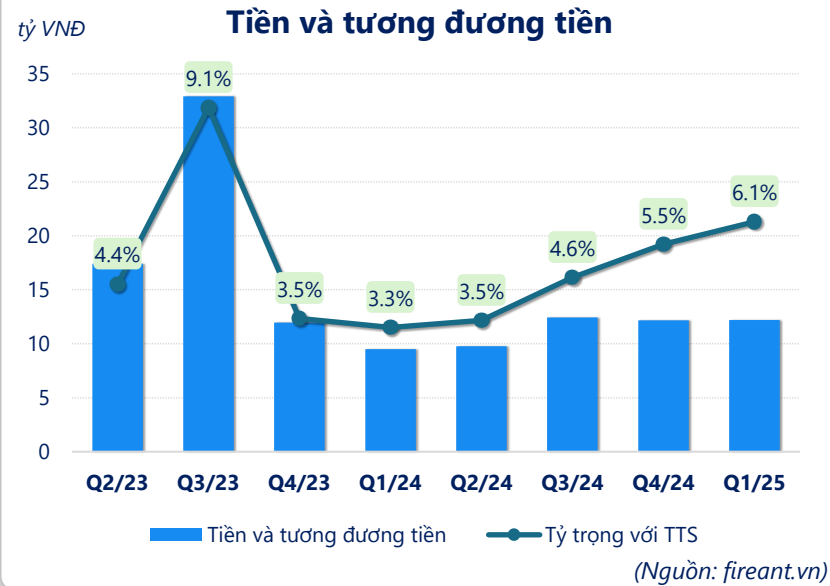
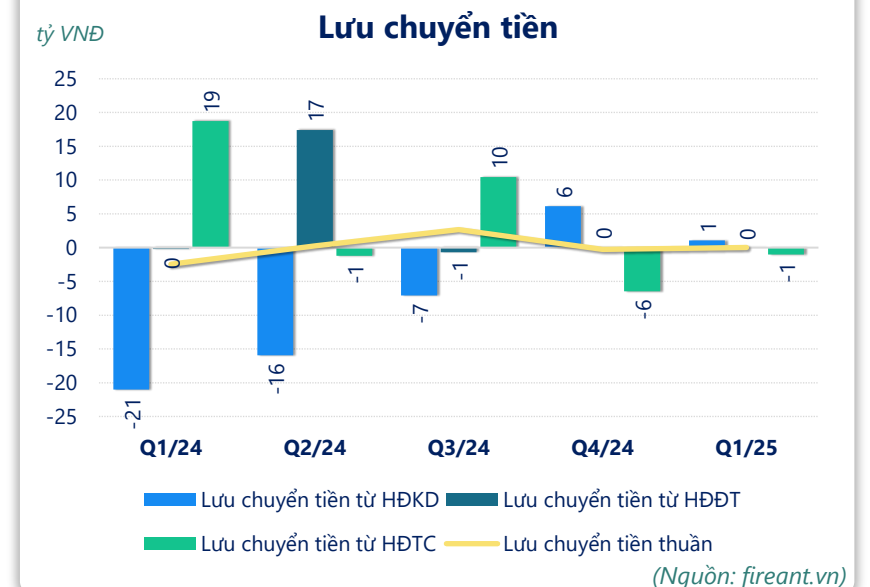
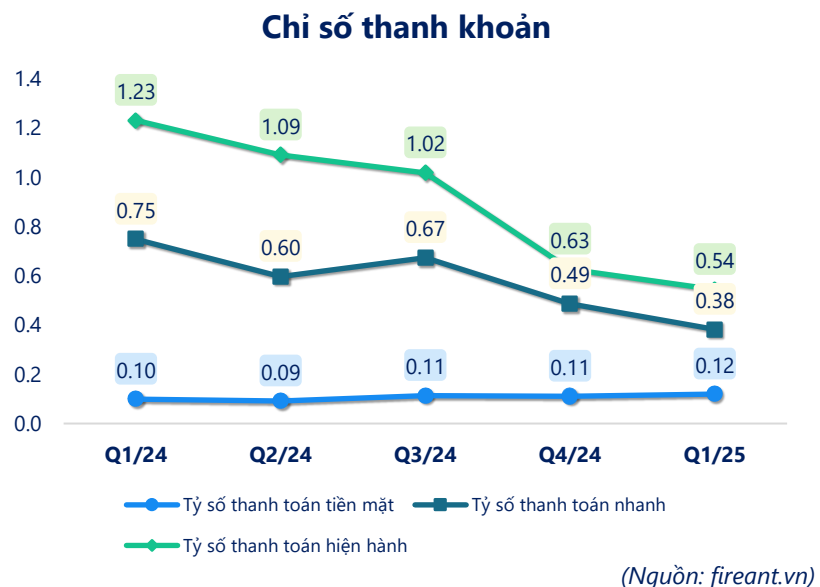
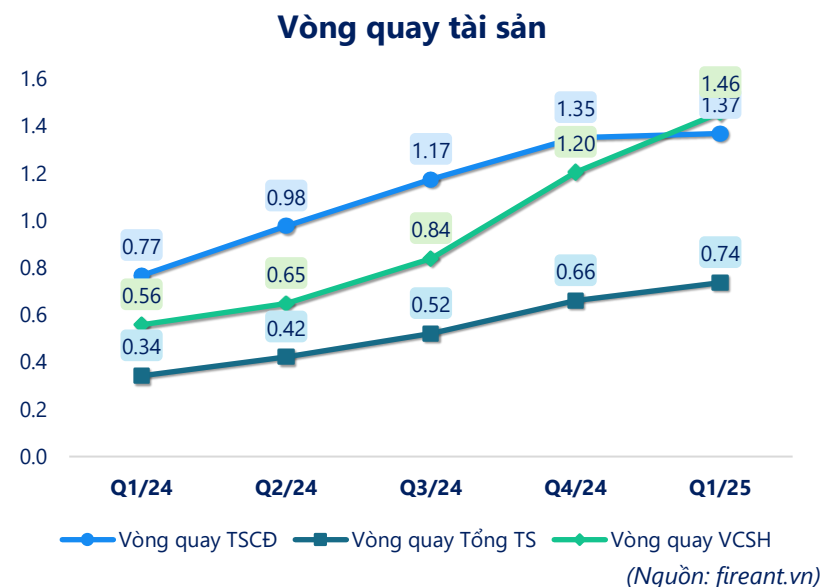
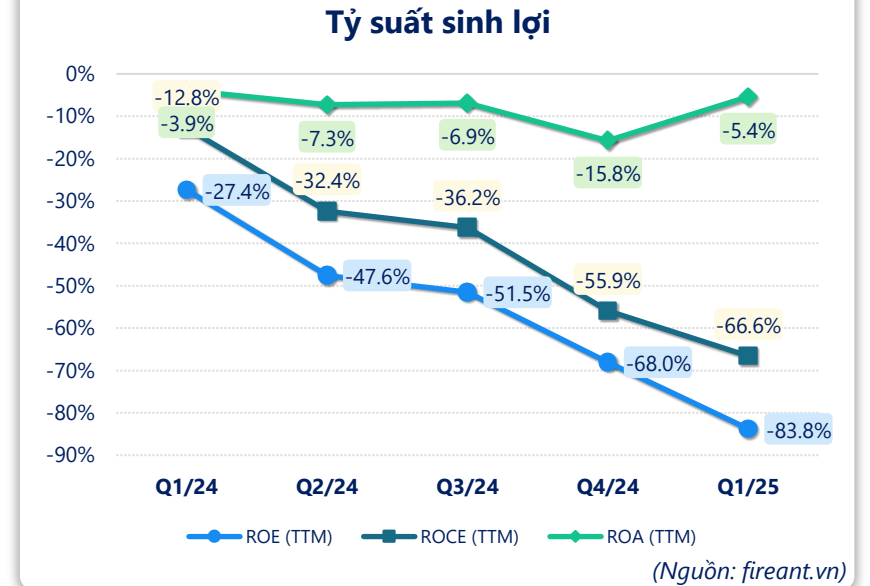
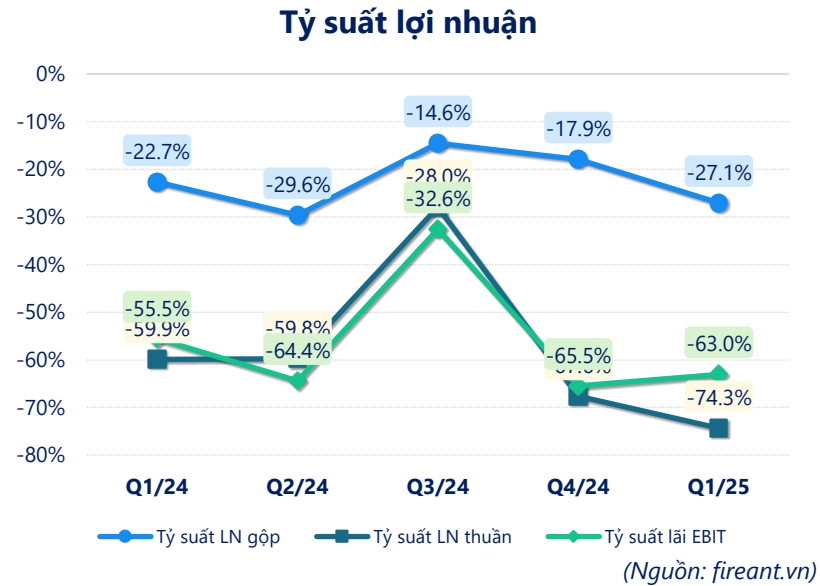
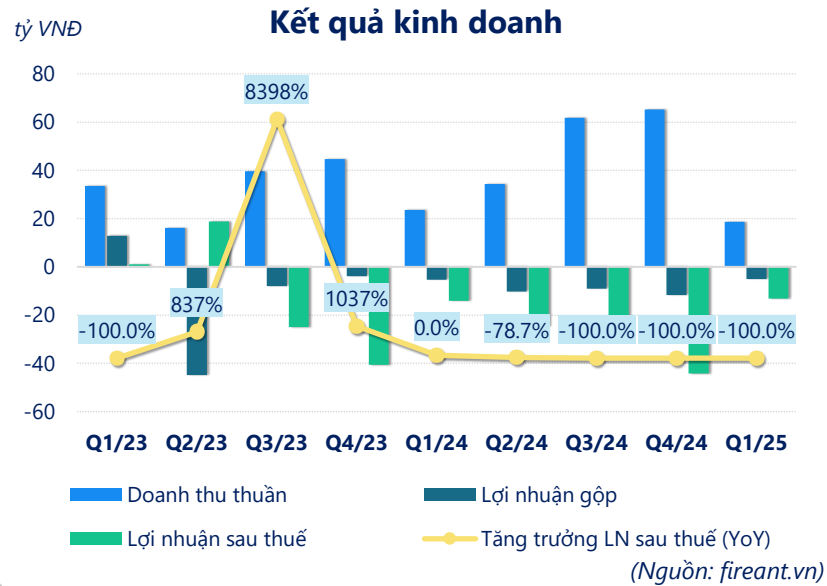


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		20,972,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		170
P/E		-1.6
EPS		-4,940

	YTD	1T	3T	6T
VTX	-4.7%	-4.7%	1.3%	-10.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	200	221	-9.5%
Tài sản ngắn hạn	55.5	69.9	-20.6%
Tiền và tương đương tiền	12.2	12.2	0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.3	40.0	-39.3%
Hàng tồn kho	16.5	15.4	7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.56	2.32	10.2%
Tài sản dài hạn	145	152	-4.4%
Phải thu dài hạn	2.40	2.40	0.0%
Tài sản cố định	116	121	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.20	9.20	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.82	0.82	0.0%
Tài sản dài hạn khác	16.7	18.4	-9.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	129	136	-5.8%
Nợ ngắn hạn	102	110	-7.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	64.0	-1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.3	30.9	-21.4%
Nợ dài hạn	26.5	26.5	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.5	18.5	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.8	85.0	-15.5%
Vốn chủ sở hữu	71.8	85.0	-15.5%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	23.5	34.4	61.8	65.3	18.7
Giá vốn hàng bán	28.9	44.5	70.8	77.0	23.8
Lợi nhuận gộp	-5.35	-10.2	-8.99	-11.7	-5.08
Doanh thu HĐTC	-0.41	1.35	-1.23	1.36	-1.22
Chi phí TC	1.03	1.26	1.49	1.43	1.39
Chi phí lãi vay	1.03	1.26	1.49	1.43	1.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.06	1.14	1.04	0.57	1.12
Chi phí QLDN	6.24	9.31	4.52	31.8	5.12
LN thuần từ HĐKD	-14.1	-20.5	-17.3	-44.1	-13.9
Lợi nhuận khác	-0.01	-2.84	-4.36	-0.01	0.73
LN trước thuế	-14.1	-23.4	-21.6	-44.2	-13.2
Lợi nhuận sau thuế	-14.1	-24.6	-21.6	-44.2	-13.2
LNST của CĐ cty mẹ	-14.1	-24.6	-21.6	-44.2	-13.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.0	-15.9	-7.09	6.13	1.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.21	17.4	-0.68	0.07	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.8	-1.22	10.4	-6.48	-1.03
Tiền đầu kỳ	11.9	9.50	9.77	12.4	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	-2.45	0.27	2.67	-0.28	0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.50	9.77	12.4	12.2	12.2

(Nguồn: fireant.vn)